**Phụ lục IV**

**DANH MỤC CÁC CƠ QUAN,**

**TỔ CHỨC CẤP C/O MẪU E CỦA VIỆT NAM**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019*

*của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong ACFTA)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu E** |
| 1 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội |
| 2 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực TP. Hồ Chí Minh |
| 3 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng |
| 4 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai |
| 5 | Sở Công Thương Hải Phòng |
| 6 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương |
| 7 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Vũng Tàu |
| 8 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Lạng Sơn |
| 9 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Quảng Ninh |
| 10 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Lào Cai |
| 11 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thái Bình |
| 12 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thanh Hoá |
| 13 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Nghệ An |
| 14 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Tiền Giang |
| 15 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Cần Thơ |
| 16 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hải Dương |
| 17 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Bình Trị Thiên |
| 18 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Khánh Hoà |
| 19 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Tĩnh |
| 20 | Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Ninh Bình |
| 21 | Ban Quản lý Khu Công nghiệp và chế xuất Hà Nội |
| 22 | Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Hà Giang |